

TRUYỆN KỂ VỀ DÒNG HỌ CỦA NGƯỜI KHƠ MÚ Ở MIỀN BẮC VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN VĂN HÓA TỘC NGƯỜI

NCS. THERD PANHYATHONG
Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

Nhận bài ngày 05/8/2026. Sửa chữa xong 04/9/2026. Duyệt đăng 12/9/2026.

Abstract

Clan origin narratives constitute a distinctive component of Kho Mu folklore, reflecting the traditional worldview, belief systems, and social organization of the Kho Mu people. This article identifies the corpus of clan origin narratives among the Kho Mu in northern Vietnam and analyzes the cultural values preserved within them. Drawing on published materials and ethnographic fieldwork, the study employs statistical, classification, analytical-synthetic, and comparative methods, together with an interdisciplinary approach combining folklore studies and cultural anthropology. The findings show that these narratives not only explain the origins and formation of clans but also reflect totemic beliefs, conceptions of ancestors, customary prohibitions and taboos, kinship relations, exogamous marriage, and traditional knowledge of interactions with the natural environment. They also help preserve collective memory, educate younger generations, and strengthen ethnic identity.

Keywords: Clan origin narratives, ethnic culture, kho Mu people, northern Vietnam, totemic beliefs.

1. Đặt vấn đề

Người Khơ Mú thuộc nhóm ngôn ngữ Môn - Khơ Me (ngữ hệ Nam Á), hiện cư trú chủ yếu ở các tỉnh miền núi phía Bắc Việt Nam. Trong lịch sử cư trú lâu dài, cộng đồng đã hình thành một kho tàng văn hóa dân gian phong phú, trong đó có thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, dân ca và các truyện kể gắn với dòng họ. Những truyện kể này không chỉ có giá trị tự sự mà còn phản ánh cách cộng đồng lý giải nguồn gốc, tổ chức quan hệ thân tộc, xác lập các điều kiêng kỵ và ứng xử với môi trường sinh tồn (Khổng Diễn, 1999; Lương Thị Đại, 2010; Phan Kiến Giang, 1988; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994). Các công trình về người Khơ Mú đã cung cấp nhiều tư liệu quan trọng về lịch sử tộc người, đời sống xã hội, tín ngưỡng, phong tục và văn học dân gian. Những nghiên cứu và sưu tầm như Người Khơ Mú ở Việt Nam, Truyện cổ dân tộc Khơ Mú ở tỉnh Điện Biên, Văn hóa dân gian của người Khơ Mú tỉnh Điện Biên, Truyện cổ Khơ Mú và Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam đã ghi nhận nhiều truyện giải thích nguồn gốc các dòng họ và những quan niệm, phong tục gắn với đời sống của cộng đồng Khơ Mú (Khổng Diễn, 1999; Lương Thị Đại, 2010; Đặng Thị Oanh và cộng sự, 2016; Phan Kiến Giang, 1988; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994). Tuy nhiên, phần lớn tư liệu được đặt trong phạm vi giới thiệu văn hóa hoặc sưu tầm truyện kể; mối quan hệ giữa truyện kể dòng họ với tín ngưỡng vật tổ, luật tục, quan hệ thân tộc và ký ức cộng đồng chưa được phân tích như một chỉnh thể văn hóa.

Từ khoảng trống đó, bài viết tập trung khảo sát truyện kể về dòng họ của người Khơ Mú ở miền Bắc Việt Nam, trên cơ sở kết hợp tư liệu đã công bố với tư liệu điền dã. Mục tiêu của nghiên cứu là: 1) Nhận diện khái niệm, đặc điểm và hệ thống tư liệu truyện kể dòng họ; 2) Làm rõ những giá trị văn hóa tộc người thể hiện qua quan niệm về nguồn gốc dòng họ, tín ngưỡng vật tổ, luật tục, thân tộc, hôn nhân và môi trường sinh tồn; 3) Phân tích ý nghĩa của loại hình truyện kể này đối với giáo dục truyền thống, duy trì bản sắc và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể hiện nay. Qua đó, bài viết góp phần chuyển trọng

Email: therdphanhyathail.com@gmail.com

tâm từ việc xem truyện kể như những văn bản dân gian riêng lẻ sang nhận diện chúng như một thành tố của hệ thống văn hóa tộc người.

2. Phương pháp nghiên cứu

Nguồn tư liệu của nghiên cứu gồm hai nhóm. Nhóm thứ nhất là các công trình sưu tầm, biên soạn và nghiên cứu đã công bố về người Khơ Mú, văn hóa dân gian và truyện cổ các dân tộc thiểu số, tiêu biểu là Người Khơ Mú ở Việt Nam (Khổng Diễn, 1999), Truyện cổ dân tộc Khơ Mú ở tỉnh Điện Biên (Lương Thị Đại, 2010), Văn hóa dân gian của người Khơ Mú tỉnh Điện Biên (Đặng Thị Oanh và cộng sự, 2016), Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam (Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994) và những tài liệu liên quan khác. Nhóm thứ hai là tư liệu điền dã do tác giả thu thập qua phỏng vấn người cung cấp thông tin tại các địa bàn cư trú của người Khơ Mú. Cụ thể, Lò Thị Phan được phỏng vấn tại bản Púng Giắt, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (nay thuộc xã Mường Pồn, tỉnh Điện Biên) năm 2025; Vi Văn Sang được phỏng vấn tại bản Nậm Tộc, xã Nghĩa Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (nay thuộc phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai) năm 2025 (Lò Thị Phan, 2025; Vi Văn Sang, 2025). Tư liệu điền dã được sử dụng để bổ sung và đối chiếu với các văn bản đã công bố. Nghiên cứu vận dụng cách tiếp cận liên ngành giữa văn học dân gian và nhân học văn hóa. Theo đó, truyện kể được xem xét đồng thời ở hai bình diện: cấu trúc và chức năng tự sự; quan hệ giữa nội dung truyện với tín ngưỡng, tổ chức xã hội và môi trường văn hóa. Cách tiếp cận này cho phép nhận diện các lớp nghĩa văn hóa nằm sau những mô típ tưởng như chỉ có chức năng giải thích nguồn gốc.

Các phương pháp chủ yếu gồm: Thống kê và phân loại để hệ thống hóa truyện kể theo nhóm vật tổ; phân tích - tổng hợp để xác định mô típ và những yếu tố văn hóa nổi bật; so sánh để nhận diện điểm tương đồng và khác biệt giữa các nhóm truyện; điền dã dân tộc học để kiểm chứng tư liệu và tìm hiểu bối cảnh lưu truyền. Trong quá trình phân tích, nghiên cứu chú ý đến sự thống nhất giữa truyện kể, luật tục kiêng kỵ và thực hành nghi lễ, tránh tách văn bản khỏi môi trường văn hóa đã sản sinh và duy trì nó.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Khái niệm, đặc điểm và hệ thống tư liệu truyện kể dòng họ

Trong phạm vi bài viết, truyện kể về dòng họ được hiểu là nhóm truyện kể dân gian có chức năng giải thích nguồn gốc của một dòng họ, mối liên hệ giữa dòng họ với tổ tiên và vật tổ, đồng thời lý giải sự hình thành của những điều kiêng kỵ, quy tắc hôn nhân và chuẩn mực ứng xử được cộng đồng lưu truyền. Cách hiểu này kế thừa đặc điểm chung của truyện kể nguồn gốc nhưng nhấn mạnh chức năng xã hội - văn hóa của truyện trong đời sống dòng họ. Đối với người Khơ Mú, dòng họ (tương) là một đơn vị quan trọng trong tổ chức xã hội truyền thống. Mỗi dòng họ có thể mang tên một loài vật, một loài chim, cây cỏ hoặc một vật gắn với sinh kế. Người cùng dòng họ coi nhau là anh em và cùng tuân thủ những điều kiêng kỵ liên quan đến vật tổ. Lương Thị Đại (2010) cho biết người Khơ Mú sống thành các bản nhỏ, mỗi dòng họ có huyền thoại về lai lịch tổ tiên chung; tên dòng họ thường gắn với động vật, chim, cây và các thành viên kiêng giết, ăn những thực thể được xem là tổ tiên ban đầu. Tư liệu này cho thấy truyện kể dòng họ không thể tách khỏi cơ chế tổ chức thân tộc.

Về loại hình, trước hết nổi bật là tính chất vật tổ. Hệ thống truyện kể ghi nhận nhiều nhóm vật tổ động vật như Hổ, Vượn/Khỉ, Tê tê, Chồn, Voi, Hoẵng, Cáo và các loài chim; nhóm thực vật như Dương xỉ/Cần trôi, Cỏ tranh, Ràng Rừa; cùng một số vật dụng hoặc vật thể gắn với hoạt động săn bắt, làm nương (Phan Kiến Giang, 1988; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994; Đặng Thị Oanh và cộng sự, 2016). Mô típ phổ biến là tổ tiên gặp nguy hiểm trong rừng, được một loài vật hoặc cây cỏ cứu giúp, che chở hoặc cung cấp thức ăn; sau đó loài vật, cây cỏ ấy được xác lập thành vật tổ và con cháu phải thực hiện những điều kiêng kỵ tương ứng (Phan Kiến Giang, 1988; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994; Lương Thị Đại, 2010). Thứ hai là tính nguyên nhân luận gắn với luật tục. Truyện kể giải thích vì sao người của một dòng họ phải kiêng một loài vật, cây cỏ hoặc đồ vật nhất định. Người họ Hổ không săn bắt, ăn thịt hổ; người họ Cần trôi không bẻ, chặt hoặc dẫm lên cây cần trôi; người gắn với chim cất kiêng ăn loài chim này. Như vậy, câu chuyện tạo ra một chuỗi quan hệ từ sự kiện nguồn gốc đến quy tắc ứng xử: vật tổ là ân

nhân hoặc tổ tiên biểu tượng; lòng biết ơn được chuyển thành điều kiêng kỵ; điều kiêng kỵ trở thành chuẩn mực của cộng đồng. Thứ ba là tính thiêng và chức năng cố kết. Truyện kể không chỉ tồn tại như văn bản giải trí mà gắn với sinh hoạt dòng họ, nghi lễ cúng tổ tiên và việc giáo dục con cháu. Khi câu chuyện được kể lại trong những hoàn cảnh có ý nghĩa nghi lễ, nội dung về nguồn gốc được tái khẳng định cùng với những quy tắc ứng xử. Vì thế, truyền kể vừa là hoạt động ghi nhớ, vừa là phương thức tái tạo quan hệ xã hội. Nhận xét của Lư Thị Thanh Lê (2016) về chức năng của huyền thoại nguồn gốc trong việc lưu giữ ký ức và củng cố cộng đồng cũng gợi mở cơ sở lý giải đối với trường hợp Khơ Mú.

3.2. Bối cảnh văn hóa tộc người và sự hình thành hệ thống truyện kể

Người Khơ Mú có truyền thống sinh kế gắn với nương rẫy, săn bắt, hái lượm và khai thác các nguồn tài nguyên rừng. Môi trường cư trú miền núi cùng sự giao thoa lâu dài với các cộng đồng Thái, H'Mông và Việt tạo nên một không gian văn hóa đa tộc người. Các công trình nghiên cứu cho thấy đời sống truyền thống của người Khơ Mú gắn chặt với rừng, núi và các nguồn tài nguyên tự nhiên; đây là điều kiện quan trọng để hiểu vì sao động vật, cây cỏ và các vật thể gắn với sinh kế xuất hiện với tần suất cao trong truyện kể dòng họ (Khổng Diễn, 1999; Đặng Thị Oanh và cộng sự, 2016). Trong bối cảnh đó, vật tổ không chỉ là một biểu tượng trừu tượng, nó gắn với những kinh nghiệm sinh tồn cụ thể: một loài vật cứu người trong rừng, một loại cây cung cấp thức ăn khi đói, một bụi cây giúp tránh kẻ thù hoặc một vật dụng giúp tổ tiên thoát nạn. Vì vậy, truyện kể vừa thiêng hóa tự nhiên vừa ghi lại kinh nghiệm sống. Những chi tiết tưởng tượng trong truyện không nên chỉ được xem là yếu tố hoang đường; chúng có thể được đọc như cách cộng đồng mã hóa ký ức về môi trường và sinh kế.

Quan hệ giữa dòng họ và vật tổ cũng giúp giải thích tính bền vững của hệ thống truyện kể. Khi một biểu tượng tự nhiên được gắn với nguồn gốc dòng họ, đồng thời trở thành dấu hiệu nhận diện và đối tượng của những quy định ứng xử. Thành viên của dòng họ không chỉ biết mình thuộc họ nào mà còn biết phải kiêng gì, phải kể câu chuyện nguồn gốc nào và phải duy trì quan hệ như thế nào với những người cùng họ. Như vậy, truyện kể tham gia trực tiếp vào quá trình xã hội hóa cá nhân.

3.3. Những giá trị văn hóa tộc người trong truyện kể dòng họ

3.3.1. Tín ngưỡng vật tổ và quan niệm về nguồn gốc dòng họ

Giá trị đầu tiên và nổi bật nhất là việc lưu giữ quan niệm về nguồn gốc dòng họ thông qua tín ngưỡng vật tổ. Trong nhiều truyện, tổ tiên của dòng họ được đặt trong một tình huống sinh tử và được một thực thể tự nhiên cứu giúp. Quan hệ giữa người và vật tổ từ đó được thiêng hóa. Vật tổ vừa là dấu hiệu của dòng họ vừa là đối tượng mà các thành viên phải tôn trọng. Điểm đáng chú ý là nguồn gốc dòng họ được lý giải bằng sự kết nối giữa con người và tự nhiên chứ không chỉ bằng quan hệ huyết thống. Tổ tiên được xác lập trong ký ức cộng đồng thông qua một sự kiện có tính chất thiêng: được cứu sống, được nuôi dưỡng hoặc được chỉ dẫn. Điều này tạo ra một cách nhìn trong đó tự nhiên có vị trí gần gũi với con người. Các truyện về Hồ, Vượn, Cáo trôi hay những biểu tượng khác đều cho thấy sự biết ơn đối với thực thể đã góp phần vào sự tồn tại của tổ tiên. Truyện kể vì thế cung cấp nền tảng biểu tượng cho việc thờ cúng và tưởng nhớ tổ tiên. Khi nguồn gốc được nhắc lại, các thành viên không chỉ nhớ một câu chuyện mà còn nhớ vị trí của mình trong dòng họ và những nghĩa vụ đi kèm. Việc trao truyền câu chuyện từ người lớn cho thế hệ trẻ làm cho ký ức nguồn gốc trở thành một phần của quá trình giáo dục văn hóa.

3.3.2. Luật tục kiêng kỵ và ý thức huyết thống

Truyện kể dòng họ có quan hệ trực tiếp với hệ thống Kỵ kên - những điều kiêng kỵ mà thành viên dòng họ phải tuân thủ. Trong các tư liệu về văn hóa và truyện cổ Khơ Mú, những câu chuyện về nguồn gốc dòng họ thường đi kèm với việc giải thích các điều kiêng kỵ liên quan đến vật tổ, qua đó tạo sự gắn kết giữa ký ức nguồn gốc và những quy tắc ứng xử của thành viên trong dòng họ (Lương Thị Đại, 2010; Phan Kiến Giang, 1988; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994). Nếu tín ngưỡng vật tổ tạo nên nền tảng thiêng thì Kỵ kên chuyển nền tảng đó thành hành vi cụ thể. Người thuộc một dòng họ phải tránh giết, ăn hoặc xâm hại vật tổ tương ứng; đồng thời phải ghi nhớ điều kiêng để nhận diện mình và những

người cùng dòng họ. Chức năng của Kỵ kên không chỉ nằm ở việc bảo vệ một loài vật hay cây cỏ. Điều quan trọng hơn là nó xác lập ranh giới xã hội. Người cùng một vật tổ, cùng tuân thủ một điều kiêng kỵ được nhận biết là người cùng họ. Bởi vậy, luật tục góp phần duy trì ý thức huyết thống ngay cả khi các thành viên cư trú ở những bản khác nhau. Các truyện kể giải thích nguồn gốc của điều kiêng giúp quy tắc xã hội có cơ sở hợp thức hóa và sức thuyết phục đối với cộng đồng.

Từ góc nhìn văn hóa, cơ chế này cho thấy sự đan xen giữa tín ngưỡng và luật tục. Điều cấm không chỉ là một quy định xã hội mà còn được gắn với quan niệm về tổ tiên, sự biết ơn và hậu quả thiêng liêng của việc vi phạm. Nhờ đó, việc tuân thủ được duy trì không chỉ bằng sự kiểm soát bên ngoài mà còn bằng ý thức tự giác của mỗi thành viên.

3.3.3. Quan hệ thân tộc và quy tắc hôn nhân ngoại tộc

Truyện kể về nguồn gốc dòng họ còn góp phần duy trì các quy tắc hôn nhân. Người cùng dòng họ được coi là có chung nguồn gốc và không được kết hôn với nhau. Việc xác định ranh giới dòng họ vì thế có ý nghĩa thực tế đối với việc lựa chọn bạn đời. Tư liệu về đời sống Khơ Mú cho thấy hôn nhân truyền thống gắn với những quy tắc ngoại tộc và quan hệ thân tộc phức tạp; vai trò của người cậu và quan hệ giữa các dòng họ có vị trí đáng chú ý (Lương Thị Đại, 2010). Trong mạng lưới ấy, truyện kể hoạt động như một dạng “gia phả truyền miệng”. Những truyện kể được sưu tầm trong các tuyển tập truyện cổ Khơ Mú cũng cho thấy chức năng ghi nhớ nguồn gốc và quan hệ cộng đồng của loại hình tự sự này, trong đó các quan niệm về dòng họ, quan hệ thân thuộc và những quy tắc ứng xử được truyền tải thông qua hình thức kể chuyện (Phan Kiến Giang, 1988; Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 1994), nó nhắc lại nguồn gốc và quan hệ của các dòng họ, giúp thế hệ trẻ nhận biết giới hạn thân tộc. Khi được kết hợp với các nghi thức gia đình và cộng đồng, truyện kể không chỉ cung cấp thông tin mà còn củng cố ý thức về nghĩa vụ giữa các nhóm thân tộc.

Có thể thấy, chức năng xã hội của truyện kể không nằm ngoài nội dung của nó. Chính câu chuyện về tổ tiên, vật tổ và điều kiêng tạo ra cơ sở để nhận diện thành viên, xác lập quan hệ và điều chỉnh hành vi. Đây là một trong những lý do khiến loại hình truyện kể này có khả năng tồn tại lâu dài.

3.3.4. Không gian sinh tồn và ký ức cộng đồng

Không gian trong truyện kể dòng họ thường là rừng, núi, khe suối và nương rẫy. Những chi tiết về tổ tiên bị lạc, gặp thú dữ, tìm thức ăn hoặc ẩn náu phản ánh dấu ấn của môi trường sinh tồn. Truyện kể vì vậy có thể được xem như một phương thức lưu giữ tri thức bản địa về tự nhiên. Các loài vật, cây cỏ xuất hiện không chỉ với tư cách nhân vật mà còn gắn với kinh nghiệm sinh kế. Bên cạnh ký ức môi trường, truyện kể còn chứa đựng ký ức về hành trình sinh tồn của cộng đồng. Những mô típ như đi tìm nơi ở, chạy khỏi hiểm họa hoặc lập bản mới cho phép cộng đồng hình dung về quá khứ qua ngôn ngữ biểu tượng. Tuy không thể đồng nhất truyện kể với sử liệu theo nghĩa chặt chẽ, các mô típ này vẫn có giá trị như những dấu vết của ký ức cộng đồng và cần được đặt trong mối quan hệ với các nguồn tư liệu dân tộc học khác.

Ý nghĩa quan trọng ở đây là truyện kể giúp gắn con người với không gian sống. Khi một loài vật, cây cỏ hoặc địa điểm được đặt trong câu chuyện nguồn gốc, môi trường tự nhiên trở thành một phần của lịch sử dòng họ. Việc tôn trọng vật tổ và những điều kiêng kỵ đồng thời tạo nên một cách ứng xử có giới hạn với tự nhiên.

3.4. Ý nghĩa của truyện kể về dòng họ trong đời sống văn hóa của người Khơ Mú hiện nay

3.4.1. Chức năng giáo dục truyền thống, đạo đức và duy trì trật tự cộng đồng

Trong bối cảnh chuyển đổi xã hội và giao thoa văn hóa diễn ra mạnh mẽ hiện nay, truyện kể về dòng họ của người Khơ Mú ở miền Bắc Việt Nam tiếp tục phát huy vai trò là một thiết chế giáo dục dân gian bền vững, giữ chức năng điều chỉnh hành vi và duy trì trật tự cộng đồng. Không chỉ là hình thức diễn xướng truyền miệng đơn thuần, các câu chuyện dòng họ vận hành như một “khoản ước đạo đức” bất thành văn, thấm sâu vào tâm thức của từng thành viên qua nhiều thế hệ.

Ý nghĩa giáo dục và quản trị xã hội của hệ thống tự sự này được thể hiện rõ qua các phương diện:

Giáo dục lòng biết ơn và đạo lý “uống nước nhớ nguồn”: Bằng việc giải thích cội nguồn dòng họ gắn liền với sự cứu giúp của các thực thể vật tổ (con hổ, con vượn, cây cần trôi, củi cụt...), truyện kể bồi đắp cho thế hệ trẻ ý thức sâu sắc về lòng biết ơn đối với tổ tiên và tự nhiên. Việc nhắc lại các biến cố lịch sử, hành trình sinh tồn đầy gian khổ của người đi trước giúp con cháu trân trọng giá trị cội nguồn, hình thành nhân cách sống nghĩa tình, trách nhiệm đối với gia đình và dòng tộc.

Chức năng điều tiết hành vi qua luật tục kiêng kỵ (Kỵ kên): Truyện kể dòng họ cung cấp căn cứ tâm linh cho hệ thống cấm kỵ Kỵ kên. Nhờ những lời răn dạy được thiêng hóa trong câu chuyện, các quy tắc như cấm săn bắt/giết hại vật tổ, cấm chặt phá loài cây thiêng hay cấm kết hôn nội tộc được thực thi một cách tự giác. Niềm tin về sự trừng phạt siêu nhiên từ tổ tiên đối với hành vi vi phạm tạo nên cơ chế tự kiểm soát hành vi, ngăn ngừa các vi phạm đạo đức và giữ gìn sự lành mạnh trong quan hệ hôn nhân - thân tộc.

Duy trì kỷ cương và sự ổn định của trật tự bản làng: Trong các sinh hoạt nghi lễ cúng dòng họ (Mơ-drung) hay các dịp lễ tết của bản (Mo), việc xướng đọc và bàn luận về truyện kể dòng họ là cơ hội để các già làng, trưởng họ răn dạy con cháu về trật tự trên dưới, tình đoàn kết xóm giềng và đạo lý ứng xử. Qua đó, truyện kể dòng họ trở thành công cụ tự quản xã hội hiệu quả, góp phần củng cố khối đoàn kết nội bộ, giải quyết các xung đột đời sống và giữ vững an ninh trật tự tự do tại các bản làng Khơ Mú vùng cao.

3.4.2. Vai trò duy trì và định danh bản sắc văn hóa tộc người

Trong bối cảnh hội nhập, đô thị hóa và tác động của truyền thông hiện đại, các cộng đồng tộc người thiểu số vùng cao đang đứng trước nguy cơ xói mòn và phai nhạt bản sắc. Đối với người Khơ Mú ở miền Bắc Việt Nam, truyện kể về dòng họ cùng hệ thống tín ngưỡng đi kèm tiếp tục đóng vai trò là “tấm chứng minh thư văn hóa” cốt lõi, giúp định danh bản thể và bảo tồn các giá trị truyền thống bền vững trước những biến đổi xã hội đương đại.

Vai trò định danh và bảo tồn bản sắc của hệ thống tự sự này được thể hiện trên các chiều kích cụ thể:

Công cụ định danh nhân học và ý thức tộc người: Truyện kể dòng họ cung cấp nền tảng tri thức giúp mỗi cá nhân người Khơ Mú trả lời câu hỏi cốt lõi về căn tính: “Tôi là ai và tôi thuộc về đâu?”. Bằng việc giải thích nguồn gốc tên họ (tơng) gắn liền với các biểu tượng Totem động vật, thực vật hay vật dụng, câu chuyện dòng họ giúp xác lập tọa độ phân định ranh giới giữa người Khơ Mú với các tộc người láng giềng (Thái, H'Mông, Việt). Ý thức về “người cùng chung vật tổ”, “người cùng tuân giữ một điều Kỵ kên” trở thành sợi dây liên kết tâm linh vững chắc, nuôi dưỡng niềm tự hào dân tộc trong mỗi con người Khơ Mú.

“Màng lọc văn hóa” bảo lưu các giá trị truyền thống: Truyện kể dòng họ không tồn tại biệt lập mà là hạt nhân tích hợp, lưu giữ hàng loạt thành tố văn hóa phi vật thể khác của người Khơ Mú. Thông qua việc kể và diễn xướng các huyền thoại cội nguồn trong các nghi lễ cúng tổ tiên (Mơ-drung), cộng đồng đồng thời bảo lưu ngôn ngữ mẹ đẻ (ngôn ngữ Môn - Khmer), thực hành nghi lễ vòng đời, các điệu dân ca (Tơm), tri thức dân gian về sinh thái rừng và nghệ thuật diễn xướng. Do đó, sự tồn tại của truyện kể dòng họ chính là cơ chế tự nhiên giúp ngôn ngữ và tri thức bản địa Khơ Mú không bị mai một.

Sức đề kháng văn hóa trước nguy cơ đồng hóa: Trong môi trường cư trú xen kẽ và giao thoa văn hóa diễn ra đan xen, truyện kể dòng họ và luật tục kiêng kỵ Kỵ kên tạo nên một “khoảng đệm văn hóa” cần thiết. Bất chấp những thay đổi về trang phục, nhà ở hay phương thức sinh kế hiện đại, việc duy trì niềm tin vào vật tổ và các cấm kỵ dòng họ giúp người Khơ Mú giữ vững cốt cách tâm linh riêng biệt, thích ứng linh hoạt với đời sống mới mà không bị hòa tan căn tính tộc người.

3.4.3. Vai trò bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể và trao truyền ký ức cộng đồng

Trong dòng chảy chuyển dịch của đời sống đương đại, hệ thống truyện kể dòng họ người Khơ Mú ở miền Bắc Việt Nam không chỉ giữ giá trị định danh bản sắc mà còn vận hành như một cơ chế bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể sống và là phương thức cốt lõi để trao truyền ký ức cộng đồng qua các thế hệ.

Vai trò này được thể hiện rõ nét ở hai phương diện tương hỗ:

Trở thành “không gian dung chứa” và bảo tồn thực hành di sản: Truyện kể dòng họ là hạt nhân kết

nổi và kích hoạt toàn bộ hệ sinh thái di sản văn hóa phi vật thể của người Khơ Mú. Một mặt, nó bảo lưu tiếng nói dân tộc (ngôn ngữ Môn - Khmer) ở dạng thức cổ xưa và giàu tính biểu cảm nhất qua việc truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác. Mặt khác, nội dung truyện kể cung cấp ngữ cảnh tâm linh cho hàng loạt nghi lễ truyền thống, tiêu biểu là lễ cúng tổ tiên (Mơ-drung), nghi lễ tra hạt cùng các nghệ thuật diễn xướng dân gian như hát Tơm, múa Tăng bu, sử dụng khèn bè, đàn môi... Việc kể lại huyền thoại cội nguồn trong các không gian nghi lễ này giúp di sản không bị “đóng băng” trong sách vở mà liên tục được sống, tái tạo và thực hành trong đời sống thường nhật của bản làng.

Phương thức trao truyền ký ức và tri thức bản địa giữa các thế hệ: Đối với một tộc người vốn không có chữ viết truyền thống như Khơ Mú, truyện kể dòng họ chính là cuốn “sử thi dân gian” lưu giữ ký ức lịch sử tộc người, từ hành trình di cư, biến cố sinh tồn cho đến kinh nghiệm ứng xử với tự nhiên. Qua các buổi sinh hoạt gia đình bên bếp lửa nhà sàn hay các dịp tập hợp dòng họ, người già trao truyền cho thế hệ trẻ không chỉ là truyền thuyết về vật tổ (Hổ, Vượn, Cáo trời...) mà là toàn bộ hệ thống tri thức dân gian về môi trường sinh thái, cây thuốc, kỹ năng canh tác nương rẫy và đạo lý làm người. Sự duy trì bền bỉ của truyện kể dòng họ chính là sợi dây liên kết quá khứ với hiện tại, đảm bảo cho dòng chảy ký ức cộng đồng Khơ Mú không bị gián đoạn, từ đó đóng góp thiết thực vào việc bảo tồn sự đa dạng văn hóa của cộng đồng các tộc người Việt Nam.

4. Kết luận

Truyện kể về dòng họ của người Khơ Mú ở miền Bắc Việt Nam là một bộ phận quan trọng của văn học dân gian, đồng thời là một thành tố của hệ thống văn hóa tộc người. Qua khảo sát các nhóm truyện gắn với vật tổ động vật, thực vật và một số vật thể, nghiên cứu cho thấy chức năng của truyện không dừng ở việc giải thích nguồn gốc tên gọi dòng họ. Mỗi câu chuyện còn gắn với quan niệm về tổ tiên, hệ thống Kỵ kèn, quan hệ thân tộc, quy tắc hôn nhân ngoại tộc và kinh nghiệm ứng xử với môi trường. Điểm nổi bật của hệ thống truyện kể là mối quan hệ hữu cơ giữa tự sự, tín ngưỡng và tổ chức xã hội. Vật tổ tạo nên biểu tượng nguồn gốc; truyện kể giải thích ý nghĩa của biểu tượng; luật tục chuyển niềm tin thành chuẩn mực ứng xử; còn quan hệ thân tộc và nghi lễ giúp những chuẩn mực ấy được tái tạo qua các thế hệ. Truyện kể vì thế vừa lưu giữ ký ức, vừa tham gia vào quá trình xã hội hóa thành viên và củng cố bản sắc cộng đồng. Nghiên cứu cũng cho thấy giá trị hiện nay của truyện kể nằm ở khả năng kết nối quá khứ với hiện tại. Đây là nguồn tư liệu quan trọng cho nghiên cứu văn hóa, giáo dục truyền thống và bảo tồn di sản văn hóa phi vật thể. Tuy nhiên, tư liệu còn phân tán, nhiều dị bản chưa được ghi chép đầy đủ và bối cảnh diễn xướng cần tiếp tục khảo sát. Vì vậy, cần mở rộng sưu tầm liên vùng, số hóa tư liệu, xây dựng cơ sở dữ liệu và tăng cường truyền dạy trong cộng đồng. Việc khai thác truyện kể trong giáo dục cũng cần được thực hiện theo hướng tôn trọng tri thức bản địa và vai trò chủ thể của cộng đồng. Đây là cơ sở để bảo đảm sự tiếp nối của ký ức và bản sắc văn hóa Khơ Mú trong đời sống đương đại.

Tài liệu tham khảo

Đặng Thị Oanh, Tòng Văn Hân, Đặng Thị Ngọc Lan, Tòng Văn Hà, Lò Ngọc Duyên, Nguyễn Thị Xuân (2016). *Văn hóa dân gian của người Khơ Mú tỉnh Điện Biên*. NXB Mỹ thuật.

Khổng Diễn (chủ biên, 1999). *Người Khơ Mú ở Việt Nam*. NXB Văn hóa dân tộc.

Lư Thị Thanh Lê (2016). Giá trị của các huyền thoại về nguồn gốc tộc người trong việc củng cố cộng đồng tộc người và cộng đồng quốc gia ở Việt Nam. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam*, (12), 52-53.

Lò Thị Phan (2025). *Tư liệu phỏng vấn điền dã về truyện kể dòng họ người Khơ Mú [Phỏng vấn]. Bản Púng Giắt, xã Mường Mươn, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên (cũ); Bản Púng Giắt, Xã Mường Pồn, tỉnh Điện Biên (sau sáp nhập mới)*.

Lương Thị Đại (2010). *Truyện cổ dân tộc Khơ Mú ở tỉnh Điện Biên*. NXB Thời đại.

Phan Kiến Giang (biên soạn, 1988). *Truyện cổ Khơ Mú*. NXB Văn hóa dân tộc.

Viện Khoa học Xã hội Việt Nam (1994). *Truyện cổ các dân tộc ít người Việt Nam, tập II: Dòng Nam Á - Môn - Khơ Me (Tái bản lần thứ 2)*. NXB Văn học.

Vì Văn Sang (2025). *Tư liệu phỏng vấn điền dã về truyện kể dòng họ người Khơ Mú [Phỏng vấn]. Bản Nậm Tộc, Xã Nghĩa Sơn, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái (cũ); Tổ dân phố Nậm Tộc, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Lào Cai (mới)*.